Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

Mẫu số 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: GIÁO SƯ

Mã hồ sơ: ……..

(*Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó:* ☑*; Nội dung không đúng thì để trống:* □)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☑ ; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Khoa học Trái Đất; Chuyên ngành: Khí tượng và Khí hậu học

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Ngô Đức Thành

2. Ngày tháng năm sinh: 21/02/1979 ; Nam ☑; Nữ ☐ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh ; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☐

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): xã Nam Hoa, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): số nhà 34 BT5 khu đô thị Văn Quán, phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): số nhà 34 BT5 khu đô thị Văn Quán, phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Điện thoại nhà riêng: ……...; Điện thoại di động: : 0918879212;

E-mail ngo-duc.thanh@usth.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng 4, năm 2008 đến tháng 8 năm 2010: Nghiên cứu Viên (Trưởng phòng nghiên cứu tư liệu), Đài Khí tượng Cao không, Tổng Cục Khí tượng Thuỷ Văn.

Từ tháng 9, năm 2010 đến tháng 3, năm 2016: Giảng viên Khoa Khí tượng Thuỷ văn và Hải dương học, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Từ tháng 3, năm 2016 đến nay: Giảng viên Khoa Vũ trụ và Ứng dụng, Đồng Trưởng Khoa, Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội, Viện Hàn Lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam.

Chức vụ: Hiện nay: Đồng Trưởng Khoa ; Chức vụ cao nhất đã qua: Phó Hiệu Trưởng Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội, Viện Hàn Lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam (2016–2018).

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội, Viện Hàn Lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam.

Địa chỉ cơ quan: Toà nhà A21, 18 Hoàng Quốc Việt, quận Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại cơ quan: +84-24 37 91 69 60

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

- Khoa Các Khoa học Liên ngành (nay là Trường Khoa học Liên ngành và Nghệ thuật), Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội (hướng dẫn NCS.)
- Viện Khoa học Khí tượng Thuỷ văn và Biến đổi Khí hậu (hướng dẫn NCS.)

8. Đã nghỉ hưu từ tháng ……năm ……..……

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có): ……..……..

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): ……..…… ……

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 12 tháng 7 năm 2001; ngành: kỹ sư; chuyên ngành: Khoa học Trái Đất; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Đại học Bách Khoa Paris (Ecole Polytechnique), Cộng hoà Pháp.
- Được cấp bằng ThS ngày 29 tháng 10 năm 2002; ngành: Hải dương học, Khí tượng học và Môi trường; chuyên ngành: Hải dương học, Khí tượng và Môi trường; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Đại học Bách Khoa Paris, Cộng hoà Pháp.
- Được cấp bằng TS ngày 28 tháng 10 năm 2005; ngành: Các Khoa học Môi trường; chuyên ngành: Khí tượng học; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Đại học Paris VI, Cộng hoà Pháp

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày 20 tháng 01 năm 2015, ngành: Khoa học Trái đất

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội, Viện Hàn Lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Khoa học Trái đất - Mỏ.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Nghiên cứu khí hậu và Biến đổi Khí hậu quy mô toàn cầu
- Nghiên cứu khí hậu và BĐKH ở quy mô khu vực Đông Nam Á và Việt Nam sử dụng phương pháp chi tiết hoá động lực và thống kê
- Nghiên cứu khí tượng, khí hậu tại Việt Nam và các khu vực lân cận sử dụng đa nguồn dữ liệu quan trắc và mô hình

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 09 NCS bảo vệ thành công luận án TS (03 hướng dẫn chính, 06 hướng dẫn phụ);
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: 06 đề tài, gồm 02 đề tài cấp Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 01 đề tài cấp Đại học Quốc gia, 02 đề tài NAFOSTED, 01 đề tài thuộc chương trình nghiên cứu cơ bản định hướng ứng dụng cấp nhà nước;
- Đã công bố (số lượng) 58 bài báo khoa học, trong đó 30 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Số lượng sách đã xuất bản 06 (01 giáo trình, 05 chương sách), trong đó 06 thuộc nhà xuất bản có uy tín;

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

(1) Giải thưởng Nathalie Demassieux từ hiệp hội các trường Đại học Paris cho luận án Tiến sĩ xuất sắc trong khoa học cơ bản (2006)

(2) Huy chương bạc của Viện hàn lâm Nông nghiệp Pháp cho luận án Tiến sĩ xuất sắc (2006)

(3) Khen thưởng của Chủ tịch Viện Hàn Lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam cho công trình công bố khoa học đặc biệt xuất sắc của Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam năm 2023

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không.

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

- Luôn trau dồi trình độ để đáp ứng tốt các tiêu chuẩn của nhà giáo,
- Luôn giữ gìn phẩm chất, danh dự, và uy tín của nhà giáo,
- Luôn hoàn thành tốt các nhiệm vụ của nhà giáo quy định trong Luật Giáo dục

- Thực hiện tốt và đầy đủ các nghĩa vụ công dân, các quy định của Pháp luật và các quy định của Nhà trường.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 13 năm 9 tháng

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/ BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
03 năm học cuối								
1	2021-2022	1	3		1	102	50	152/359,6/140
2	2022-2023	2	2	3		102	45	147/632,4/140
3	2023-2024	1		1		102	25	127/373/140

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: tiếng Anh, tiếng Pháp

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☑

- Học ĐH ☑ ; Tại nước: Cộng hoà Pháp; Từ năm 1999 đến năm 2001.

- Bảo vệ luận văn ThS ☑ năm 2022 và luận án TS ☑ năm 2005 tại nước: Cộng hoà Pháp.

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☐

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: ……. số bằng: …….; năm cấp:……

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☑

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: tiếng Anh.

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội, Viện Hàn Lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Việt Nam

d) Đối tượng khác ☐ ; Diễn giải: ……..…….

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): …….

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ … đến …	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/ CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Lê Như Quân	x			x	2010–2016	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên	15/12/2016
2	Dư Đức Tiến	x		x		2011–2017	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên	27/12/2017
3	Nguyễn Thị Tuyết	x		x		2016–2021	Viện Khoa học Khí tượng Thuỷ văn và Biến đổi Khí hậu	12/03/2021
4	Đinh Bá Duy	x		x		2014–2021	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên	28/12/2021
5	Nguyễn Duy Tùng	x			x	2018-2022	Đại học Toulouse III, Cộng hoà Pháp	13/6/2022
6	Lê Hồng Hạnh	x			x	2019-2023	Đại học Toulouse III, Cộng hoà Pháp	09/6/2023
7	Nguyễn Thanh Huệ	x			x	2020-2023	Đại học Toulouse III, Cộng hoà Pháp	15/3/2024
8	Trương Bá Kiên	x			x	2017-2023	Viện Khoa học Khí tượng Thuỷ văn và Biến đổi Khí hậu	Đã bảo vệ ngày 15/12/2023, đang chờ cấp bằng
9	Desmet Quentin	x			x	2020-2024	Đại học Toulouse III, Cộng hoà Pháp	Đã bảo vệ ngày 7/5/2024, đang chờ cấp bằng

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang … đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận PGS						
1	Climate Change in the Coastal Regions of Vietnam [Chương 8 trong quyển: *"Coastal disasters*	Chương sách phục vụ đào tạo do NXB uy tín trên	Elsevier, 2014	01	Ứng viên là chủ biên của chương sách và là	175–198	- QĐ số 309/QĐ-KHLN của Chủ nhiệm Khoa các Khoa học Liên ngành ngày 06/7/2021về việc phê

	and climate change in Vietnam - Engineering and Planning Perspectives"] ISBN: 978-0-12-800007-6	thế giới xuất bản			tác giả duy nhất		duyệt tài liệu sử dụng trong đào tạo - QĐ số 684/QĐ-ĐHKHCN của Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội ngày 10/8/2023 về việc phê duyệt danh sách giáo trình và sách chuyên khảo đưa vào giảng dạy và học tập
II	Sau khi được công nhận PGS						
1	Đánh giá Biến đổi Khí hậu ISBN: 978-604-324-216-4	Giáo trình	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2021	01	Ứng viên là chủ biên của giáo trình và là tác giả duy nhất	Toàn bộ quyển sách (tr. 1–247)	- Khoa các Khoa học Liên ngành, ĐHQG Hà Nội (hợp đồng biên soạn giáo trình; QĐ thành lập Hội đồng thẩm định giáo trình số 455/QĐ-KHLN; Biên bản thẩm định giáo trình; Giấy xác nhận; QĐ số 309/QĐ-KHLN) - QĐ số 684/QĐ-ĐHKHCN của Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội ngày 10/8/2023 về việc phê duyệt danh sách giáo trình và sách chuyên khảo đưa vào giảng dạy và học tập
2	Climate change in Vietnam: recent trends and future projections [Chương 1 trong quyển: "*Climate Change in Viet Nam: Impacts and adaptation"*] ISBN: 978-604-345-102-3	Chương sách phục vụ đào tạo do NXB uy tín xuất bản	NXB Thế giới, 2021	7	Ứng viên là chủ biên của chương sách	45–80	- QĐ số 684/QĐ-ĐHKHCN của Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội ngày 10/8/2023 về việc phê duyệt danh sách giáo trình và sách chuyên khảo đưa vào giảng dạy và học tập
3	Statistical downscaling and probabilistic projections for climate risk analysis in Viet Nam [Chương 1 trong quyển: "*National Climate*	Chương sách phục vụ đào tạo do NXB uy tín xuất bản	NXB Thế giới, 2022	3	đồng tác giả	13–62	- QĐ số 684/QĐ-ĐHKHCN của Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội ngày 10/8/2023 về việc phê duyệt danh sách giáo trình và sách chuyên khảo đưa vào giảng dạy và học tập

	Change Impacts and Adaptation Final Report"] ISBN: 978-604-365-824-8						
4	Sự thay đổi tác động của cực đoan khí hậu và thiên tai tới hệ sinh thái và hệ nhân sinh [Chương 4 trong quyển: *Báo cáo đặc biệt của Việt Nam về quản lý rủi ro thiên tai và các hiện tượng cực đoan nhằm thúc đẩy thích ứng với Biến đổi Khí hậu*]. ISBN: 978-604-904-623-0.	Chương sách Chuyên khảo	NXB Tài nguyên – Môi trường và Bản đồ Việt Nam, 2015	13	đồng tác giả	141–186	
5	Technical Summary [trong Báo cáo Đánh giá lần thứ 6 của Ban Liên Chính phủ về Biến đổi Khí hậu: *Climate Change 2021: The Physical Science Basis. Contribution of Working Group I to the Sixth Assessment Report of the Intergovernmental Panel on Climate*] ISBN: 978-1-009-41954-3	Chương sách Chuyên khảo	NXB Cambridge University Press, Cambridge, United Kingdom and New York, NY, USA, 2021	88	đồng tác giả	33−144	

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS: 02 (số TT 1 và 2 của mục II: sau khi được công nhận PGS).

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang…. đến trang…… (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận PGS				
1	ĐT: Nghiên cứu khoanh vùng những khu vực của Việt Nam cần bổ sung lắp đặt radar thời tiết	CN	MS: TN - 11 - 34 Đề tài Cấp Trường Đại học Khoa học Tự nhiên	2011–2012	25/12/2012 Xếp loại Tốt
2	ĐT: Nghiên cứu biến đổi của ngày bùng phát gió mùa mùa hè ở Việt Nam	CN	MS: TN - 13 - 30 Đề tài Cấp Trường Đại học Khoa học Tự nhiên	2013–2014	08/7/2014 Xếp loại Tốt
3	ĐT: Nghiên cứu xây dựng hệ thống đồng hóa tổ hợp cho mô hình thời tiết và hệ thống tổ hợp cho một số mô hình khí hậu khu vực nhằm dự báo và dự tính các hiện tượng thời tiết, khí hậu cực đoan	CN	MS: ĐT.NCCB-ĐHUD. 2011-G/10 Đề tài nghiên cứu độc lập cấp nhà nước, chương trình nghiên cứu cơ bản định hướng ứng dụng	2011–2014	23/3/2015 Xếp loại Đạt
II	Sau khi được công nhận PGS				
1	ĐT: Nghiên cứu sự biến đổi của hoạt động gió mùa mùa hè ở Việt Nam trong bối cảnh biến đổi khí hậu	CN	MS: 105.06-2013.03 Đề tài nghiên cứu cơ bản của Quỹ phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia NAFOSTED	2013–2015	13/10/2016 Xếp loại Đạt
2	ĐT: Nghiên cứu xây dựng bộ số liệu mưa trên lưới cho Việt Nam sử dụng sản phẩm vệ tinh GSMaP và quan trắc tại trạm; ứng dụng đánh giá sự biến đổi các đặc trưng mưa cho khu vực miền Trung	CN	MS: QG.15.06 Đề tài cấp Đại học Quốc gia	2015–2016	13/3/2017 Xếp loại Xuất sắc
3	ĐT: Đánh giá khí hậu Đông Nam Á hiện tại và tương lai bằng công cụ mô hình khu vực	CN	MS: 105.06-2018.05 Đề tài nghiên cứu cơ bản của Quỹ phát triển khoa học	2018–2020	10/5/2021 Xếp loại Đạt

			và công nghệ Quốc gia NAFOSTED		

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS							
1	A 53-year forcing data set for land surface models	3	✓	Journal of Geophysical Research/ ISSN: 2169-897X	ISI, Q1, IF=4.4	185	110, D6, D06116	2005
2	Effects of land water storage on global mean sea level over the past 50 years	5	✓	Geophysical Research Letters/ ISSN: 0094-8276	ISI, Q1, IF=5.25	105	32(9), L09704	2005
3	Contribution of continental water to sea level variations during the 1997–1998 El Niño Southern Oscillation event: Comparison between Atmospheric Model Intercomparison Project simulations and TOPEX/Poseidon satellite data	4	✓	Journal of Geophysical Research/ ISSN: 2169-897X	ISI, Q1, IF=4.4	33	110, D9, D09103	2005
4	Time variations of the regional evapotranspiration rate from Gravity Recovery and Climate Experiment(GRACE) satellite gravimetry	6		Water Resources Research/ ISSN: 0043-1397	ISI, Q1, IF=5.24	180	42(10), W10403	2006
5	Validation of the land water storage simulated by Organising Carbon and Hydrology in	5	✓	Water Resources Research/ ISSN: 0043-1397	ISI, Q1, IF=5.24	90	43(4), W04427	2007

	Dynamic Ecosystems (ORCHIDEE) with Gravity Recovery and Climate Experiment (GRACE) data							
6	Seasonal and interannual variations of surface climate elements over Vietnam	3		Climate Research / ISSN: 0936-577X	ISI, Q3, IF=1.1	100	40, 49–60	2009
7	Global runoff routing with the hydrological component of the ECMWF NWP system	5		International Journal of Climatology/ ISSN: 0899-8418	ISI, Q2, IF=4.41	57	30, 2155 – 2174	2010
8	A Climatological Study of Tropical Cyclone Rainfall in Vietnam	4		Scientific Online Letters on the Atmosphere / ISSN: 1349-6476	ISI, Q1, IF=1.67	55	8, 041–044	2012
9	Sensitivity of the Track and Intensity Forecasts of Typhoon Megi (2010) to Satellite-Derived Atmospheric Motion Vectors with the Ensemble Kalman Filter	4		Journal of Atmospheric and Oceanic Technology / ISSN: 0739-0572	ISI, Q1, IF=2.3	40	29, 1794 – 1810	2012
10	Near future climate projections over the Red River Delta of Vietnam using the Regional Climate Model Version 3	6	✓	Sains Malaysiana ISSN: 0126-6039	ISI, Q2, IF=1.0	4	41 (11), 1325–1334,	2012
11	Monthly adjustment of Global Satellite Mapping of Precipitation (GSMaP) data over the Vu Gia-ThuBon river basin in Central Vietnam using artificial neural networks	4	✓	Hydrological Research Letters / ISSN: 1882-3416	Scopus, Q2, IF=0.95	39	7(4), 85–90	2013
12	A variable stream flow velocity method for global river routing model: Model description and preliminary results	3	✓	Hydrology and Earth System Sciences Discussions / ISSN: 1812-2108	Tạp chí Quốc tế có ISSN, online	55	4, 4389–4414	2007
13	Long-term trends in tropical cyclone rainfall over Vietnam.	4		Journal of Agroforestry and Environment / ISSN: 1995-6983.	Tạp chí Quốc tế có ISSN		6(2), 89-92	2012

14	Chương trình quan trắc ozone phân tầng SOWER/Pacific và một số kết quả nghiên cứu bước đầu ở Việt Nam	4		Tạp chí Khí tượng Thủy văn ISSN:0866-8744	Tạp chí trong nước		590, 49–53	2010
15	Kết quả hợp tác trong khuôn khổ của MAHASRI/AMY (Giai đoạn 2006-2010)	9		Tạp chí Khí tượng Thủy văn ISSN:0866-8744	Tạp chí trong nước		600, 6–14	2010
16	Sử dụng bản đồ độ cao địa hình số trong bài toán quy hoạch mạng lưới ra đa thời tiết của Việt Nam	2	✓	Tạp chí Khí tượng Thủy văn ISSN:0866-8744	Tạp chí trong nước		600, 34–39	2010
17	Xây dựng bộ số liệu mưa lưới kết hợp giữa ra đa và các trạm đo cho đợt mưa lớn tháng 11 năm 2007 trên khu vực Trung Bộ	6		Tạp chí Khí tượng Thủy văn ISSN:0866-8744	Tạp chí trong nước		601, 43–47	2011
18	Nghiên cứu khoanh vùng những khu vực phía Bắc Việt Nam cần bổ sung lắp đặt ra đa thời tiết	1	✓	Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Khoa học Tự Nhiên và Công nghệ ISSN:0866-8612	Tạp chí trong nước		27(1S), 235–243	2011
19	Dự tính biến đổi khí hậu cho khu vực Trung Trung Bộ bằng phương pháp hạ quy mô động lực	4	✓	Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Khoa học Tự nhiên và Công nghệ ISSN:0866-8612	Tạp chí trong nước		27(3S), 70–79	2011
20	Nghiên cứu định dạng ảnh ra đa TRS-2730 kết hợp lọc nhiễu và tổ hợp	2	✓	Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Khoa học Tự nhiên và Công nghệ ISSN:0866-8612	Tạp chí trong nước		27(3S), 96–101	2011
21	Kiểm nghiệm phi tham số xu thế biến đổi của một số yếu tố khí tượng cho giai đoạn 1961–2007	2	✓	Tạp chí khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội. Khoa học Tự nhiên và Công nghệ ISSN:0866-8612	Tạp chí trong nước		28(3S), 129–135	2012

22	Variations of the Mekong discharge over the half past century	3		Hội nghị "The International Conference on Forest Environment in continental river basins; with a focus on the Mekong River", 5-7/12/2006, Phnom Penh, Campuchia. ISBN: 4-902606-09-7	Hội nghị quốc tế có ISBN		3–4	2006
23	Uncertainties in estimating total terrestrial water storage in major river basins in the world	7		Hội nghị "The International Union of Geodesy and Geophysics (IUGG-XXIV)", 2-13/7/2007, Perugia, Italy. ISBN: 978-88-95852-25-4	Hội nghị quốc tế có ISBN		HW 2004-4651	2007
24	Fichiers de pluie et modélisation hydrologique: applications en Amazonie	5		Hội nghị "Risques et changement climatique" (Dubreuil V., Planchon O., Quenol H., Bonnardot V. (ed.)) 2010, Rennes, France, ISBN: 978-2-907696-16-6	Hội nghị quốc tế có ISBN	1	529–534	2010
25	Khảo sát sơ bộ vị trí lắp đặt trạm ra đa thời tiết sử dụng bản đồ độ cao địa hình số	2	✓	Hội nghị "Khoa học Khí tượng Cao không lần thứ VII", tháng 12, 2010. Hà Nội, Việt Nam	Hội nghị quốc gia		69–76	2010
26	Evaluating performance of different regional simulations in present day climate and combining near future multi-model projections over Central Vietnam	6	✓	Hội nghị "MAHASRI-HyARC lần thứ 2 về Gió mùa Châu Á và Chu trình nước", 22–24/8/2011, Nha Trang, Việt Nam	Hội nghị quốc gia		363–373	2011

27	Building criteria for rainfall determination by using Tam Ky weather radar data	3		Hội nghị "MAHASRI-HyARC lần thứ 3 về Gió mùa Châu Á và Chu trình nước", 28-30/8/2013, Đà Nẵng, Việt Nam	Hội nghị quốc gia		63–71	2013
28	Observed Climate Variations and Change in Vietnam	7		Hội nghị "4th International Conference for Environment and Natural Resources — ICENR 2014", 17–18/6/2014, HoChiMinh City, Viet Nam. ISSN: 2363-7218 ISBN: 978-3-95404-852-6	Hội nghị quốc tế có ISBN	6	*20–34*	2014
II	Sau khi được công nhận PGS/TS							
29	Probabilistic projections of temperature and rainfall for climate risk assessment in Vietnam	2	✓	Journal of Water and Climate Change ISSN: 2040-2244	ISI, Q2 IF=2.8		15 (5), 2015–2032	2024
30	Identification and Trend Analysis of Compound Meteorological Hazards along Vietnam's Coastline	5	✓	Natural Hazards ISSN: 2921-030X	ISI, Q1 IF=3.9		120, 5667–5683	2024
31	Spatial Distribution and Trends of Heat Stress in Vietnam	2	✓	Environment and Natural Resources ISSN: 1686-5456	Scopus, Q3 Scimago		22(2), 93–104	2024
32	Performance evaluation and ranking of CMIP6 global climate models over Vietnam	3	✓	Journal of Water and Climate Change ISSN: 2040-2244	ISI, Q2 IF=2.8	6	14(6), 1831–1846	2023
33	A 10-km CMIP6 downscaled dataset of temperature and precipitation for historical and future Vietnam climate	4	✓	Scientific Data ISSN: 2052-4463	ISI, Q1 IF=9.55	11	10:257	2023

34	Rainfall extremes in Northern Vietnam: a comprehensive analysis of patterns and trends	1	✓	Vietnam Journal of Earth Sciences ISSN: 0866-7187	Scopus, Q2 Scimago	4	45(2), 183–198	2023
35	The distinct impacts of the two types of ENSO on rainfall variability over Southeast Asia	3	✓	Climate Dynamics ISSN: 0930-7575	ISI, Q1 IF=4.6	3	61, 2155–2172	2023
36	A High-Resolution Projected Climate Dataset for Vietnam: construction and preliminary application in assessing future change	4	✓	Journal of Water and Climate Change ISSN: 2040-2244	ISI, Q2 IF=2.8	8	13 (9), 3379–3399	2022
37	A high-resolution climate experiment over part of Vietnam and the Lower Mekong Basin: performance evaluation and projection for rainfall.	8	✓	Vietnam Journal of Earth Sciences ISSN: 0866-7187	Scopus, Q2 Scimago	9	44(1), 92–108	2022
38	A data-driven approach for high accurate spatiotemporal precipitation estimation	6		Neural Computing and Applications ISSN: 0941-0643	ISI, Q1 IF=6.0		36, 6099–6118	2024
39	Applying a machine learning-based method for the prediction of suspended sediment concentration in the Red River basin	4		Modeling Earth Systems and Environment ISSN: 2363-6211	ISI, Q2 IF=3.0		10, 2675–2692	2024
40	The teleconnection of the two types of ENSO and Indian Ocean Dipole on Southeast Asian autumn rainfall anomalies	3		Climate Dynamics ISSN: 0930-7575	ISI, Q1 IF=4.6		doi: 10.1007/s00382-024-07163-9	2024
41	Remote influence on regional scale intraseasonal rainfall variability over Vietnam	3		International Journal of Climatology ISSN: 0899-8418	ISI, Q2 IF=4.41		44, 1171–1189	2024

42	How sensitive is a simulated river plume to uncertainties in wind forcing? A case study for the Red River plume (Vietnam)	4		Ocean Modelling ISSN: 1463-5003	ISI, Q1 IF=3.2		186, 102256	2023
43	Panta Rhei benchmark dataset: socio-hydrological data of paired events of floods and droughts	91		Earth System Science Data ISSN: 1866-3516	ISI, Q1 IF=12.2	6	15, 2009–2023	2023
44	Drought over Southeast Asia and Its Association with Large-Scale Drivers	9		Journal of Climate ISSN: 0894-8755	ISI, Q1 IF=4.9	9	35(15), 4959–4978	2022
45	The challenge of unprecedented floods and droughts in risk management	92		Nature ISSN: 0028-0836	ISI, Q1 IF=65	198	608, 80–86	2022
46	High Resolution Modeling of River-floodplain-reservoir Inundation Dynamics in the Mekong River Basin	9		Water Resources Research ISSN: 0043-1397	ISI Q1 IF=4.31	72	56, e2019WR026449	2020
47	Quantification of warming climate-induced changes in the terrestrial Arctic river ice thickness and phenology	7		Journal of Climate ISSN: 0894-8755	ISI, Q1 IF=4.9		29, 1733–1754	2016
48	Non-linear Impacts of Climate Change on Income and Inequality in Vietnam	3		AFD Research Papers ISSN: 2492 - 2846	Tạp chí quốc tế có ISSN, online	3	101, 35 pp	2019
49	Effect of typhoons on economic activities in Vietnam: Evidence using satellite imagery	4		AFD Research Papers ISSN: 2492 - 2846	Tạp chí quốc tế có ISSN, online		263, 13pp	2022
50	Dự tính mưa tương lai trên Việt Nam dựa trên thí nghiệm chi tiết hoá động lực kết quả của CMIP6	2	✓	Tạp chí khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội. Các Khoa học Trái đất và Môi trường ISSN: 0866-8612	Tạp chí trong nước		39 (4), 1–15	2023

51	Xu thế và tần suất lặp lại của hiện tượng nóng và lạnh cực đoan trên khu vực miền Bắc Việt Nam giai đoạn 1961–2018	2	✓	Tạp chí khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội. Các Khoa học Trái đất và Môi trường ISSN: 0866-8612	Tạp chí trong nước		39(2), 31–42	2023
52	Kịch bản Biến đổi khí hậu cho khu vực Đông Nam Á và Việt Nam: hiện trạng và đề xuất hướng nghiên cứu tiếp theo	1	✓	Tạp chí khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội. Các Khoa học Trái đất và Môi trường ISSN: 0866-8612	Tạp chí trong nước		39(1), 1–15	2023
53	Performance of SEACLID/CORDEX-SEA multi-model experiments in simulating temperature and rainfall in Vietnam *(bài viết tiếng Anh)*	3		Vietnam Journal of Earth Sciences ISSN: 0866-7187	Tạp chí trong nước		41(4), 374–387	2019
54	Dự báo hạn mùa số lượng xoáy thuận nhiệt đới trên Biển Đông bằng các mô hình thống kê	4		Tạp chí khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội. Các Khoa học Trái đất và Môi trường ISSN: 0866-8612	Tạp chí trong nước		35(2), 45–57	2019
55	Mối quan hệ giữ ENSO và số lượng, cấp độ Xoáy thuận Nhiệt đới trên khu vực Tây Bắc - Thái Bình Dương, Biển Đông giai đoạn 1951–2015	3		Tạp chí khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội. Các Khoa học Trái đất và Môi trường ISSN: 0866-8612	Tạp chí trong nước	2	32(3S), 43–55	2016
56	Khảo sát sai số dự báo và kĩ năng dự báo quỹ đạo và cường độ bão của các trung tâm dự báo và các mô hình động lực trên khu vực biển Đông	4		Tạp chí Khí tượng Thủy văn ISSN: 0866-8744	Tạp chí trong nước	6	661, 17–23	2016
57	Application of the Effective Drought Index (EDI) for a thorough Intensity-Duration-Frequency drought analysis – a case study in Son La province, Vietnam	2		Kỷ yếu Hội nghị Quốc tế: Hanoi Forum 2018: "Climate Change Response for Sustainability and Security". NXB ĐHQGHN	Hội nghị quốc tế có ISBN		169–175	2018

				ISBN: 978-604-9892-81-3				
58	Sự biến đổi của stress nhiệt tại Việt Nam giai đoạn 1961–2011	2	✓	Kỷ yếu Hội nghị Khoa học Trái Đất, Mỏ, Môi trường bền vững lần thứ III. NXB Khoa học Tự nhiên và Công nghệ ISBN: 978-604-9985-67-6	Hội nghị quốc gia có ISBN		189–199	2020

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được công nhận PGS là: 9 bài, gồm các bài có số thứ tự từ 29 đến 37 liệt kê ở trên.

- Lưu ý thông tin Qi theo Scimago, số lượng trích dẫn theo Google Scholar (ngày 28/6/2024).

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố *(Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)*

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Biến đổi khí hậu định hướng ứng dụng	Tham gia	Số 39B/QĐ-KHLN ngày 10/3/2017 của Khoa các Khoa học Liên ngành, Đại học Quốc gia Hà Nội	Đại học Quốc gia Hà Nội	Quyết định số 2022/QĐ-ĐHQGHN về việc ban hành chương trình và giao nhiệm vụ đào tạo của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ngày 23/6/2017	
2	Chương trình đào tạo tiến sĩ chuyên ngành Biến đổi khí hậu	Tham gia	Số 115/QĐ-KHLN ngày 25/5/2017 của Khoa các Khoa học Liên ngành, Đại học Quốc gia Hà Nội	Đại học Quốc gia Hà Nội	Quyết định số 1034/QĐ-ĐHQGHN về việc ban hành chương trình và giao nhiệm vụ đào tạo của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ngày 08/4/2020	
3	Chương trình (cử nhân) Khoa học dữ liệu	Tham gia	Số 753/QĐ-ĐHKHCN ngày 31/12/2020 của	Trường Đại học Khoa học	Quyết định số 200/QĐ-ĐHKHCN, ngày 26/3/2021 về việc mở	

			Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội	và Công nghệ Hà Nội	ngành đào tạo Khoa học dữ liệu trình độ đại học	
4	Chương trình đào tạo tiến sĩ Vũ trụ và Ứng dụng	Tổ trưởng	Số 1327/QĐ-ĐHKHCN ngày 31/12/2022 của Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội	Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội	Quyết định số 331/QĐ-ĐHKHCN ngày 23/4/2024 về việc ban hành chương trình đào tạo tiến sĩ Vũ trụ và Ứng dụng	

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

b) Hoạt động đào tạo

c) Nghiên cứu khoa học

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo: trong trường hợp không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo, ứng viên xin đề xuất các công trình khoa học thay thế tại mục mục 7.1.a II sau PGS với các số thứ tự là: 38, 39, 42, 43, 45

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 28 tháng 6 năm 2024

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

Ngô Đức Thành